

Bản án số: 29/2016/HNGĐ-PT
Ngày: 28 - 12 - 2016
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phích

Các Thẩm phán: Ông Cao Thành Ngọc;

Ông Hoàng Ngọc Thụ.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hưng - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2016, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 40/2016/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2016 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 67/2016/HNGĐ-ST ngày 28/9/2016 của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1822/2016/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2016 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị A; sinh năm 1979; địa chỉ: Số 220 đường B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh E; sinh năm 1977; ĐKKHKT: Số 27 đường F, phường G, quận H, thành phố Hải Phòng; hiện ở: Số 8/30 Đường I, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

3. Người kháng cáo: Chị A, anh E.

NHẬN THẤY:

Chị A và anh E kết hôn trên có sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận D, thành phố Hải Phòng vào ngày 26/9/2006. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống. Gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị A đề nghị ly hôn, anh E đồng ý.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu M sinh ngày 24/9/2004 và cháu N sinh ngày 17/10/2006. Cả chị A và anh E đều có nguyện vọng nuôi cả hai con và tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 67/2016/HNGĐ-ST ngày 28/9/2016 của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 71, Điều 81, Điều 81, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; áp dụng Khoản 1 Điều 28, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 5; Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử chị A ly hôn anh E.

Về con chung: Giao con chung M sinh ngày 24/9/2004 cho anh E trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung N sinh ngày 17/10/2006 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Các đương sự tự thỏa thuận về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/9/2016 anh E có đơn kháng cáo đề nghị được nuôi cả hai con vì anh không muốn ảnh hưởng đến tâm sinh lý và quá trình học tập của hai con.

Ngày 01/10/2016 chị A có đơn kháng cáo đề nghị được nuôi cả hai con vì lý do từ trước tới nay hai con đều do chị chăm sóc nuôi dưỡng, chị không muốn tách hai con.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn chị A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, chị đề nghị Tòa án giao hai con chung là cháu M sinh ngày 24/9/2004 và cháu N sinh ngày 17/10/2006 cho chị nuôi dưỡng vì lý do chị có đủ điều kiện về mọi mặt để chăm sóc, nuôi dưỡng hai con, nếu tách hai con thì sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý của các cháu. Chị có chỗ ở ổn định, thu nhập cao nếu được ở với chị thì hai cháu có điều kiện chăm sóc tốt hơn về vật chất và tinh thần. Chị khai anh E chưa có chỗ ở ổn định, mức thu nhập thấp.

- Bị đơn anh E giữ nguyên nội dung kháng cáo và cũng đề nghị được nuôi cả hai con. Anh trình bày anh có công việc và thu nhập ổn định. Hiện tại các cháu anh đang nuôi dưỡng khỏe mạnh, học giỏi. Mặt khác, nguyện vọng của cả hai cháu đều mong muốn được ở với bố.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo của anh E muốn nuôi hai con là không có căn cứ do điều kiện thu nhập khoảng 7,5 triệu /1 tháng để nuôi cả hai con là có phần khó khăn.

Về nội dung kháng cáo của chị A muốn nuôi cả hai con cũng không phù hợp do cháu lớn M sinh năm 2004 là cháu trai ở với bố là phù hợp và hoàn cảnh thu nhập, điều kiện ăn ở thực tế thì mỗi người nuôi một con là đảm bảo được quyền lợi của các cháu.

Do vậy, án sơ thẩm giải quyết giao cho chị A và anh E nuôi mỗi người một con là có căn cứ. Viện Kiểm sát thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghe các đương sự trình bày, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, xét đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm,

XÉT THẤY:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án : Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Xét kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn thấy: Trong vụ án này cả chị A và anh E đều kháng cáo đề nghị được nuôi cả hai con.

Xét thấy, cả anh E và chị A đều có công việc và thu nhập ổn định, anh E có thu nhập khoảng 7,5 triệu/1 tháng, chị A có thu nhập khoảng 18,7 triệu/1 tháng. Chị A có chỗ ở ổn định. Như vậy, cả hai đều có đủ điều kiện chăm sóc và nuôi dạy con. Nguyện vọng của cháu M muốn được ở với bố, còn nguyện vọng của cháu N muốn được ở với cả bố mẹ. Mặt khác, cháu N là con gái cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, cháu M là con trai cần sự giáo dục của người bố. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu M cho anh E nuôi và cháu N cho chị A nuôi là đúng quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của hai bên.

Tại cấp phúc thẩm, cả chị A và anh E đều muốn nuôi cả hai con nhưng không cung cấp được tài liệu thể hiện một trong hai bên không đủ điều kiện để

nuôi dạy con. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, không chấp nhận kháng cáo của chị A và anh E, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Các đương sự kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của chị A và anh E. Giữ nguyên bản án sơ thẩm

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 71, Điều 81, Điều 81, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 148, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 5, Khoản 8 Điều 27, Khoản 2 Điều 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử chị A ly hôn anh E.

Về con chung: Giao con chung M sinh ngày 24/9/2004 cho anh E trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung N sinh ngày 17/10/2006 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Các đương sự tự thỏa thuận về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3. Về án phí:

Chị A phải chịu 200.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 200.000 đồng án phí ly hôn phúc thẩm. Chị A đã nộp đủ số tiền trên tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố Hải Phòng theo Biên lai thu tiền số 0013967 ngày 07/6/2016 và Biên lai số 0014369 ngày 12/10/2016.

Anh E phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, anh E đã nộp đủ số tiền trên tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố theo Biên lai thu tiền số 0014404 ngày 21/10/2016.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKS TP Hải Phòng ;
- Tòa sơ thẩm;
- Chi cục THADS Quận D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Phích